TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/4/2019.
V/v: *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Ông Thông Phi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 07A/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị D cón xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lương Xuân H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng12 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn - chị Lê Thị Hồng D trình bày:

Chị D và anh H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào năm 2011 theo giấy chứng nhận số 45 ngày 05/4/2011. Hiện nay chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H vì hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân

do trong thời gian chung sống giữa chị và anh H nảy sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống. Hiện nay chị và anh H đã sống ly thân. Ngoài ra, chị Diệu giao con chung Lương Anh T, sinh ngày 13/7/2012 cho anh Huấn trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Diệu không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt, nhưng trong quá trình xét xử anh H có ý kiến.

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, anh H và chị D đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào năm 2011 theo như chị D trình bày là đúng. Theo yêu cầu xin ly hôn của chị D thì anh H không đồng ý, vì trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra xích mích về chuyện tiền bạc nhưng chưa đến mức làm cho mâu thuẫn trở nên nghiêm trọng. Việc chị D đi nơi khác sống ly thân là do tự ý chứ bản thân anh vẫn còn tình cảm, mong muốn vợ chồng được về sống đoàn tụ.

Về nuôi con: Trong thời gian chung sống, anh và chị D có một người con tên Lương Anh T, sinh ngày 13/7/2012. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản: không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị giải quyết cho chị D được ly hôn với anh H; giao con chung tên Lương Anh T, sinh ngày 13/7/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm và chăm sóc con, không ai được ngăn cản. Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện T nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lương Xuân H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Lê Thị Hồng D và anh Lương Xuân H là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng và chuyện tiền bạc, kinh tế trong gia đình, bản thân chị không còn tình cảm với anh H. Anh H không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm, mong muốn được đoàn tụ về chung sống. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H. Điều này thể hiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và hiện nay đã ly thân nên mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc, hòa thuận phải được xây dựng từ cả hai phía, trong khi đó bản thân chị D không còn tình cảm, không mong muốn được đoàn tụ chung sống với anh H, nên cần giải quyết cho chị D được ly hôn với anh H theo như phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có một người con chung tên là Lương Anh T, sinh ngày 13/7/2012 . Khi ly hôn chị D đồng ý giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi. Hiện tại cháu T đang sống với anh H, có nơi ở ổn định, anh H có công việc và điều kiện để tiếp tục nuôi con, nên cần giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xét đến.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng D và anh Lương Xuân H.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Anh T, sinh ngày 13/7/2012 cho anh Lương Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Hồng D không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở

3. Về chia tài sản: không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số

N 0012983, ngày 06/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã G;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Phú Phước